

Số /QĐ-BNN-XD

Hà Nội, ngày tháng năm 2023

QUYẾT ĐỊNH

Phê duyệt dự án đầu tư xây dựng Dự án Trạm bơm Lãng Sơn, tỉnh Bắc Giang

BỘ TRƯỞNG BỘ NÔNG NGHIỆP VÀ PHÁT TRIỂN NÔNG THÔN

Căn cứ Nghị định số 105/2022/NĐ-CP ngày 22/12/2022 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn;

Căn cứ Luật Đầu tư công số 39/2019/QH14 ngày 13/6/2019; Luật Xây dựng số 50/2014/QH13 ngày 18/6/2014, số 62/2020/QH14 ngày 17/6/2020; Luật Thủy lợi số 08/2017/QH14; Luật Bảo vệ môi trường số 72/2020/QH14; Luật Tài nguyên nước số 17/2012/QH13 đã được sửa đổi, bổ sung một số điều theo Luật số 08/2017/QH14, Luật số 35/2018/QH14 và Luật số 72/2020/QH14;

Căn cứ các Nghị định của Chính phủ: Số 40/2020/NĐ-CP ngày 06/4/2020 Hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Đầu tư công; số 15/2021/NĐ-CP ngày 03/3/2021 về Quản lý dự án đầu tư xây dựng; số 10/2021/NĐ-CP ngày 09/02/2021 về Quản lý chi phí đầu tư xây dựng; số 06/2021/NĐ-CP ngày 26/01/2021 về Quản lý chất lượng, thi công xây dựng và bảo trì công trình xây dựng;

Căn cứ các Quyết định: số 3316/QĐ-BNN-KH ngày 23/7/2021, số 1066/QĐ-BNN-KH ngày 24/3/2023 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn phê duyệt và phê duyệt điều chỉnh chủ trương đầu tư dự án Trạm bơm Lãng Sơn, tỉnh Bắc Giang;

Căn cứ Quyết định số 487/QĐ-UBND ngày 11/5/2023 của Chủ tịch UBND tỉnh Bắc Giang Phê duyệt kết quả thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường dự án Trạm bơm Lãng Sơn, tỉnh Bắc Giang;

Căn cứ Văn bản số 6606/UBND-KTN ngày 30/12/2022 của UBND tỉnh Bắc Giang thống nhất về quy mô đầu tư và cam kết bố trí nguồn vốn ngân sách địa phương để thực hiện dự án Trạm bơm Lãng Sơn, tỉnh Bắc Giang;

Xét Tờ trình số 71/TTr-BQL2-KHTĐ ngày 23/5/2023 của Ban Quản lý đầu tư và Xây dựng thủy lợi 2 trình thẩm định, phê duyệt Báo cáo nghiên cứu khả thi đầu tư xây dựng dự án Trạm bơm Lãng Sơn, tỉnh Bắc Giang kèm theo hồ sơ thiết kế, thẩm tra;

Theo đề nghị của Cục trưởng Cục Quản lý xây dựng công trình tại các Báo cáo thẩm định: số 333/BC-XD-TĐ ngày 16/3/2023, số 799/BC-XD-TĐ ngày 26/5/2023 và Vụ trưởng Vụ Kế hoạch.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt dự án đầu tư xây dựng công trình Trạm bơm Lãng Sơn, tỉnh Bắc Giang với các nội dung chủ yếu sau:

1. Tên dự án: Trạm bơm Lãng Sơn, tỉnh Bắc Giang.

2. Người quyết định đầu tư: Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn.

3. Chủ đầu tư:

- Ban Quản lý đầu tư và Xây dựng thủy lợi 2: Chủ đầu tư xây dựng cụm đầu mỗi trạm bơm, phần điện trung và hạ thế;

- Công ty TNHH MTV khai thác CTTL Bắc Sông Thương: Chủ đầu tư xây dựng hệ thống kênh tiêu và công trình trên kênh, kênh hút; công tác bồi thường, hỗ trợ và tái định cư toàn dự án.

4. Mục tiêu, nhiệm vụ, quy mô đầu tư xây dựng:

a) Mục tiêu, nhiệm vụ dự án:

Tiêu chủ động ra sông Thương cho khoảng 2.094 ha của huyện Yên Dũng, góp phần giảm tình trạng ngập úng khi có mưa lớn xảy ra, lưu lượng tiêu yêu cầu 21,70 m³/s; kết hợp cấp nước tưới cho khoảng 570 ha đất nông nghiệp, lưu lượng tưới yêu cầu 1,17m³/s.

b) Quy mô đầu tư xây dựng:

Xây dựng mới trạm bơm Lãng Sơn gồm 03 máy bơm hướng trục đứng làm nhiệm vụ tiêu, 02 máy bơm chìm trục đứng tưới, tiêu kết hợp; xây dựng mới khu quản lý vận hành hoàn chỉnh; nạo vét mở rộng, gia cố các tuyến kênh tiêu hiện có với tổng chiều dài khoảng 12,9 km và xây dựng mới một số công trình trên kênh.

- Công trình đầu mỗi trạm bơm:

Trạm bơm được bố trí 05 máy bơm, gồm 03 máy bơm tiêu, loại bơm hướng trục đứng công suất mỗi máy 6,944 m³/s; 02 bơm tưới tiêu kết hợp, loại bơm chìm trục đứng, công suất mỗi máy 0,611 m³/s; khi tiêu với công suất trạm lớn nhất dùng tất cả 05 máy bơm, khi tưới dùng máy bơm chìm

(Thông số kỹ thuật trạm bơm tại Phụ lục I kèm theo)

- Nhà trạm được xây dựng phía trong đê tại K23+500 đê tả sông Thương, kích thước tổng thể phần nổi DxRx C = (33,1x19,6x16,6)m bao gồm 04 gian máy bơm và 01 gian điện; phần chìm DxRx C = (26,6x19,6x11,45)m, gồm 03 gian lắp bơm hướng trục đứng và 01 gian lắp bơm chìm; cao trình đáy buồng hút -5,65 m, cao trình sàn bơm tiêu +0,7 m, cao trình sàn động cơ bơm tiêu +4,8 m; kết cấu nhà trạm bằng BTCT M250, phần nổi dầm cột sàn bằng BTCT M250 tường xây gạch; xà gồ thép mái lợp tôn; xử lý nền bằng cọc BTCT M300.

- Bể hút: Dài 23,15m, chiều rộng thông thủy từ (9,0 ÷ 24,6)m; cao trình đỉnh bể +4,4m, cao trình đáy bể thay đổi từ (-1,58 ÷ -3,75)m; kết cấu bể bằng BTCT M250, hai bên bể hút là tường chịu lực bản chống; xử lý nền bằng cọc BTCT M300.

- Kênh hút: Dài 213,25m có mặt cắt dạng hỗn hợp; phía dưới mặt cắt chữ nhật, rộng 9m, cao 3m, kết cấu BTCT M250; phía trên hình thang, mái gia cố bằng đá xây VXM M100; cao trình đỉnh kênh +4,6m, cao trình đáy kênh thay đổi từ (-1,56 ÷ -1,58)m.

- Bể xả: Dài 10,5m, chiều rộng thông thủy từ (18,2 ÷ 15,2)m, cao trình đỉnh bể +8,8m, cao trình đáy bể +0,8m; kết cấu bể bằng BTCT M250, xử lý nền bằng cọc BTCT M300.

- Cổng xả qua đê: Cổng ngầm dài 30m, mặt cắt hình chữ nhật, kích thước $n \times (B \times H) = 3$ khoang $\times (2,8 \times 2,5)$ m, cao trình đáy cổng +0,8m; cổng gồm 02 đốt chiều dài mỗi đốt 15m; kết cấu bể bằng BTCT M250, xử lý nền bằng cọc BTCT M300.

- Nhà quản lý và khuôn viên:

Nhà quản lý trạm bơm 2 tầng, diện tích sàn sử dụng khoảng 200 m²; kết cấu móng băng, khung BTCT M250, tường gạch xây M75, trát vữa M75 dày 1,5cm; xà gồ thép, mái lợp tôn sóng.

Khuôn viên bố trí đồng bộ gồm tường rào, cổng, sân vườn, nhà để xe, hệ thống thoát nước và cây xanh.

- Hệ thống kênh tiêu và công trình trên kênh:

Nạo vét, mở rộng 04 tuyến kênh hiện hữu đảm bảo thông số như sau:

+ Kênh T1 dài khoảng 6.070 m, chiều rộng đáy từ (2,50 ÷ 7,00)m, độ dốc $i = (0.00035 \div 0.00040)$, hệ số mái $m = 1,50$; gia cố mái kênh bằng BT và BTCT từ Km3+556 tới Km3+871 với chiều dài khoảng 315m; phá dỡ và hoàn trả các đầu cống tiêu nước bờ kênh, làm mới 19 cầu qua kênh;

+ Kênh T2 dài khoảng 2.652 m, chiều rộng đáy từ (0,50 ÷ 4,00)m, độ dốc $i = (0.0005 \div 0.0007)$, hệ số mái $m = 1,50$; phá dỡ và hoàn trả các đầu cống tiêu nước bờ kênh, làm mới 6 cầu qua kênh;

+ Kênh T3 dài khoảng 2.393,2 m, chiều rộng đáy 3,50m, độ dốc $i = 0.0006$, hệ số mái $m = 1,50$; phá dỡ và hoàn trả các đầu cống tiêu nước bờ kênh, làm mới 12 cầu qua kênh;

+ Kênh T4 dài khoảng 1.790 m, chiều rộng đáy từ (2,00 ÷ 3,00)m, độ dốc $i = 0.0003$, hệ số mái $m = 1,25 \div 1,50$; phá dỡ và hoàn trả các đầu cống tiêu nước bờ kênh, làm mới 3 cầu qua kênh;

Tất cả hệ thống kênh tiêu là kênh đất, cầu qua kênh bề rộng 3,5m, chiều dài phụ thuộc vào chiều rộng kênh, kết cấu BTCT.

- Thiết bị cơ khí:

+ Máy bơm: 03 máy bơm hướng trục đứng $Q_{tk} = 6,944 \text{ m}^3/\text{s}$, $H_{tk} = 7,4\text{m}$, $n = 290\text{v/ph}$, hiệu suất (tại H_{tk}) 82%; động cơ điện $N \leq 700\text{KW}$, điện thế 6kV, $n \leq 1500\text{v/ph}$, hệ số $\cos\varphi \geq 0,86$; hộp giảm tốc kiểu kín trục song song.

02 máy bơm chìm trục đứng, $Q_{tk} = 0,611 \text{ m}^3/\text{s}$; $H_{tk} = 8,40 \text{ m}$; $n = 980\text{v/phút}$, hiệu suất (tại điểm thiết kế) 82,5%; động cơ điện 75kW.

+ Thiết bị nâng hạ: 01 cầu trục 2 dầm, sức nâng 30T lắp đặt máy bơm; 01 cầu trục 1 dầm, sức nâng 5T lắp đặt phai sửa chữa, lưới chắn rác.

+ Thiết bị phụ: 2 bơm chìm tiêu nước buồng hút $Q = 120 \text{ m}^3/\text{h}$, $H = 13 \text{ m}$, $N_{dc} = 7,5 \text{ kw}$; 05 quạt thông gió trên tường và 02 quạt di động.

+ Thiết bị cơ khí thủy công: Ống đẩy, khớp lắp ráp, van chặn, van clape đồng bộ với từng loại bơm; lưới chắn rác, phai sửa chữa thượng lưu; cửa van và máy đóng mở 10VĐ.

- Thiết bị điện:

Trạm biến áp gồm 2 máy biến áp (1x2.500+1x1.500)kVA-22/6 kV, 01 máy biến áp 320 kVA – 22/0,4kV, đường dây 22 kV dài khoảng 100 m; hệ thống các tủ điện cao thế và tủ điện hạ thế.

- Hệ thống thiết bị quan trắc: Chuyển vị lún, chuyển vị ngang và áp lực thấm ở nền.

5. Tổ chức tư vấn lập Báo cáo nghiên cứu khả thi; khảo sát, lập thiết kế cơ sở:

Liên danh Viện Kỹ thuật tài nguyên nước và Công ty cổ phần tư vấn xây dựng điện và thiết bị công nghiệp.

6. Địa điểm xây dựng và diện tích đất sử dụng:

- Địa điểm xây dựng: Xã Lãng Sơn, huyện Yên Dũng, tỉnh Bắc Giang.

- Diện tích đất sử dụng: 21,8 ha.

7. Loại, nhóm dự án; loại, cấp công trình và tần suất thiết kế:

- Loại dự án: Dự án đầu tư xây dựng công trình phục vụ nông nghiệp và phát triển nông thôn

- Nhóm dự án: Dự án nhóm B.

- Loại công trình: Công trình phục vụ nông nghiệp và phát triển nông thôn.

- Cấp công trình và tần suất thiết kế:

Đầu môi trạm bơm: Công trình cấp III. Tần suất lũ thiết kế P=1,5%; Tần suất lũ kiểm tra P=0,5%; Tần suất đảm bảo cấp nước tưới P=85%; tần suất đảm bảo tiêu P=90%;

Cống qua đê: Công trình cấp II. Tần suất lũ thiết kế P=1,0%; Tần suất lũ kiểm tra P=0,2%.

8. Số bước thiết kế, danh mục tiêu chuẩn được áp dụng:

- Số bước thiết kế:

Thiết kế 02 bước: Thiết kế cơ sở, thiết kế bản vẽ thi công.

- Danh mục tiêu chuẩn được áp dụng: *(Chi tiết tại Phụ lục II kèm theo)*.

9. Khối lượng công tác chính:

TT	Nội dung công việc	Đơn vị	Khối lượng
1	Đào đất	100 m ³	1.620
2	Đắp đất	100 m ³	362
3	Bê tông các loại	m ³	8.250
4	Xây lát gạch đá	m ³	1.690
5	Cọc bê tông	100 m	71,3
6	Thép trong bê tông	tấn	1.114
7	Thép hình	tấn	84

10. Tổng mức đầu tư xây dựng:

Tổng mức đầu tư xây dựng: 265.000.000.000 đồng *(Hai trăm sáu mươi lăm tỷ đồng chẵn)*.

Trong đó:

+ Bồi thường, hỗ trợ và tái định cư:	8.768.204.000	đồng
+ Chi phí xây dựng:	112.580.393.000	đồng
+ Chi phí thiết bị:	92.313.340.000	đồng
+ Chi phí quản lý dự án:	3.204.551.000	đồng
+ Chi phí tư vấn đầu tư xây dựng:	15.422.533.000	đồng
+ Chi phí khác:	4.756.208.000	đồng
+ Chi phí dự phòng:	27.954.770.000	đồng

(Chi tiết tại Phụ lục III kèm theo)

11. Tiến độ thực hiện dự án: Từ năm 2023 đến năm 2025.

12. Nguồn vốn đầu tư và dự kiến bố trí kế hoạch vốn theo tiến độ thực hiện dự án:

a) Nguồn vốn đầu tư:

- Vốn NSNN do Bộ Nông nghiệp và PTNT quản lý 195 tỷ đồng

- Vốn NSĐP (nguồn vốn bảo vệ và phát triển đất trồng lúa giai đoạn 2023-2025) do UBND tỉnh Bắc Giang quản lý 70 tỷ đồng

b) Dự kiến bố trí kế hoạch vốn theo tiến độ thực hiện dự án: 265 tỷ đồng trong giai đoạn 2021-2025.

13. Hình thức tổ chức quản lý dự án được áp dụng: Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng khu vực và Chủ đầu tư tổ chức thực hiện quản lý dự án.

14. Phương án tổng thể bồi thường, hỗ trợ và tái định cư:

- Phạm vi giải phóng mặt bằng gồm mặt bằng xây dựng công trình đầu mối trạm bơm và nạo vét 12,9 km kênh tiêu với tổng diện tích sử dụng đất 218.035,1 m², gồm: đất nông nghiệp 18.229,2 m², đất phi nông nghiệp 199.805,9 m².

Diện tích phải BT, HT-TĐC để giải phóng mặt bằng 77.071,3 m², gồm: đất nông nghiệp 18.229,2 m², đất phi nông nghiệp 55.842,1 m².

- Số hộ gia đình phải di chuyển, tái định cư: không;

- Kinh phí BT, HT-TĐC: 8.768.204.000 đồng (đã bao gồm chi phí tổ chức thực hiện, dự phòng và một số chi phí cần thiết khác)

15. Những lưu ý giai đoạn sau:

- Khảo sát địa hình, địa chất theo đúng các quy định hiện hành để nghiên cứu, tính toán, lựa chọn tối ưu giải pháp kỹ thuật cho các hạng mục, đảm bảo an toàn công trình, hiệu quả kinh tế, thuận lợi khi khai thác vận hành;

- Nghiên cứu kỹ các khuyến nghị của đơn vị tư vấn thẩm tra và các chuyên gia để có những chỉnh sửa, bổ sung hợp lý

- Thiết kế các biện pháp thi công đầu mối trạm bơm đảm bảo phù hợp với điều kiện vừa thi công vừa phục vụ tiêu, tưới. Lưu ý tối ưu hóa khối lượng thi công cơ giới và cự ly vận chuyển vật liệu trên các tuyến kênh.

- Lập quy trình kỹ thuật vận hành theo đúng các quy định hiện hành;

- Tổ chức lập Quy trình bảo trì công trình xây dựng theo các quy định tại Điều 31 Nghị định 06/2021/NĐ-CP ngày 26/01/2021 của Chính phủ về Quản lý chất lượng, thi công xây dựng và Bảo trì công trình xây dựng;

- Chủ đầu tư chịu trách nhiệm rà soát kỹ về khối lượng bước thiết kế BVTC; tính đúng đắn, hợp lý của việc áp dụng định mức, đơn giá, giá xây dựng công trình khi lập dự toán. Lưu ý các quy định về việc xác định định mức dự toán mới, điều chỉnh định mức dự toán để áp dụng cho công trình theo quy định tại Điều 21 Nghị định 10/2021/NĐ-CP ngày 09/02/2021 của Chính phủ;

- Chủ động kế hoạch để hoàn thiện thủ tục cắt đê với cơ quan hữu quan, lưu ý các biện pháp thi công công trình đảm bảo an toàn đê điều trong mùa mưa bão.

- Thực hiện trách nhiệm của Chủ đầu tư dự án theo quy định tại Điều 37 Luật Bảo vệ môi trường năm 2020; về quản lý chi phí, lựa chọn nhà thầu, hợp đồng và chất lượng xây dựng công trình theo quy định hiện hành.

Điều 2. Tổ chức thực hiện.

1. UBND tỉnh Bắc Giang:

- Chỉ đạo các đơn vị có liên quan: (i) Tổ chức lập, thẩm định, phê duyệt Phương án bồi thường, hỗ trợ và tái định cư và thực hiện (bao gồm cả phê duyệt kế hoạch lựa chọn nhà thầu các hạng mục công việc có liên quan), đảm bảo mặt bằng theo tiến độ thi công xây dựng công trình; (ii) tổ chức bảo vệ phạm vi mặt bằng công trình đã được giải phóng mặt bằng đến khi công trình bàn giao đưa vào sử dụng (tránh trường hợp tái lấn chiếm); (iii) quyết toán phần kinh phí bồi thường, hỗ trợ và tái định cư và gửi về Bộ Nông nghiệp và PTNT để tổng hợp quyết toán chung; (iv) có quyết định giao đơn vị quản lý, khai thác nhận bàn giao công trình hoàn thành trên địa bàn tỉnh để quản lý, khai thác theo quy định;

- Chỉ đạo các ban ngành, địa phương và các đơn vị có liên quan trong Tỉnh phối hợp chặt chẽ với Công ty TNHH MTV khai thác CTTL Bắc Sông Thương, Ban Quản lý đầu tư và Xây dựng thủy lợi 2 trong quá trình thực hiện công tác BT, HT-TĐC và thi công xây dựng công trình để đảm bảo tiến độ;

- Bố trí nguồn vốn ngân sách địa phương đảm bảo phù hợp với tiến độ đầu tư, xây dựng dự án theo cam kết tại văn bản số 6606/UBND-KTN ngày 30/12/2022 (Bộ Nông nghiệp và PTNT chỉ nhất trí cho triển khai đấu thầu xây lắp khi UBND tỉnh Bắc Giang có quyết định bố trí 70 tỷ đồng cho dự án trong giai đoạn 2023-2025). Quá trình thực hiện, trường hợp công tác BT, HT-TĐC vượt kinh phí được phê duyệt tại Tổng mức đầu tư, UBND Tỉnh chịu trách nhiệm tiếp tục bổ sung kinh phí từ ngân sách địa phương để hoàn thiện công tác BT, HT-TĐC của dự án.

2. Công ty TNHH MTV khai thác CTTL Bắc Sông Thương thực hiện chức năng, nhiệm vụ chủ đầu tư (bao gồm cả công tác BT, HT-TĐC); chủ trì, phối hợp với các ban ngành địa phương tổ chức thực hiện lập, trình cấp thẩm quyền phê duyệt phương án BT, HT-TĐC; gửi hồ sơ và phối hợp với Ban Quản lý đầu tư và Xây dựng thủy lợi 2 khi điều chỉnh dự án; chịu trách nhiệm triển khai các bước tiếp theo thực hiện dự án theo đúng quy định hiện hành.

3. Ban Quản lý đầu tư và Xây dựng thủy lợi 2 thực hiện chức năng, nhiệm vụ chủ đầu tư; chủ trì, phối hợp với Công ty TNHH MTV khai thác CTTL Bắc Sông Thương tổng hợp hồ sơ khi điều chỉnh dự án; chịu trách nhiệm triển khai các bước tiếp theo thực hiện dự án theo đúng quy định hiện hành.

4. Cục Quản lý Xây dựng công trình là cơ quan chuyên môn trực thuộc người quyết định đầu tư và cơ quan chuyên môn về xây dựng, thực hiện chức năng quản lý nhà nước về đầu tư xây dựng công trình, chịu trách nhiệm hướng dẫn chủ đầu tư tổ chức quản lý, thực hiện dự án theo đúng quy định hiện hành.

5. Vụ Kế hoạch, Vụ Tài chính và các đơn vị thuộc Bộ chịu trách nhiệm xử lý các công việc liên quan đến quá trình thực hiện dự án theo chức năng nhiệm vụ được giao.

Điều 3. Chánh Văn phòng Bộ, Cục trưởng Cục Quản lý xây dựng công trình, Vụ trưởng các Vụ: Kế hoạch, Tài chính, Chủ tịch UBND tỉnh Bắc Giang, Giám đốc Ban Quản lý đầu tư và Xây dựng thủy lợi 2, Giám đốc Công ty TNHH MTV khai thác CTTL Bắc Sông Thương và Thủ trưởng các đơn vị liên quan theo chức năng, nhiệm vụ được giao chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Bộ trưởng Lê Minh Hoan (để b/c);
- Văn phòng Chính phủ;
- Các Bộ: KH&ĐT, TC;
- Kho bạc NN TƯ và ĐP;
- Lưu: VT, XD.

**KT. BỘ TRƯỞNG
THỨ TRƯỞNG**

Nguyễn Hoàng Hiệp